TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG
https://tapchikhdhcl.edu.vn
https://vjol.info.vn/index.php/dhcl
P-ISSN 3093-3196
E-ISSN 3093-3226

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH CHO GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ YÊU CẦU CỦA THÔNG TƯ SỐ 50/2020/TT-BGDĐT

MANAGING PROFESSIONAL ENGLISH COMPETENCY TRAINING ACTIVITIES FOR PRESCHOOL TEACHERS IN HO CHI MINH CITY FROM THE REQUIREMENTS OF CIRCULAR NO. 50/2020/TT-BGDĐ

Nguyễn Minh Thư
Viện Nghiên cứu Ứng dụng và phát triển công nghệ giáo dục
Email: minhthu.abm@gmail.com

DOI: https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.03-e.1314
Ngày nhận bài: 28/08/2026 *Ngày phản biện: 01/09/2026* *Ngày duyệt bài: 28/09/2026*

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực tiếng Anh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT. Dưới lăng kính khoa học quản lý giáo dục kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn bốn thập kỷ, tác giả phân định rõ cấu trúc năng lực tiếng Anh của giáo viên mầm non, đồng thời chỉ ra các "điểm nghẽn" mang tính hệ thống trong công tác bồi dưỡng hiện nay (sự cào bằng, tính hình thức, sự phân hóa vùng miền, nội - ngoại thành). Từ đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp quản lý đồng bộ từ cấp vĩ mô đến vi mô dựa trên triết lý "may đo" năng lực và kiến tạo động lực nội sinh, nhằm chuẩn hóa đội ngũ giáo viên tại đô thị đặc biệt này.

Từ khóa: *Giáo viên mầm non, Quản lý bồi dưỡng,Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT, Tiếng Anh nghề nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.*

ABSTRACT

This study investigates the current state and proposes management solutions for professional English competency training activities for preschool teachers in Ho Chi Minh City, ensuring compliance with Circular No. 50/2020/TT-BGDĐT. Through the lens of educational management science combined with four decades of practical experience, the author clearly delineates the structure of preschool teachers' English proficiency and identifies systemic "bottlenecks" in current training practices, such as standardization, superficiality, and regional polarization between urban and suburban areas. On this basis, the study proposes a synchronized system of comprehensive management solutions ranging from the macro to micro levels. These strategies are grounded in the philosophy of "tailoring" competence and the creation of intrinsic motivation to standardize the teaching workforce in this special urban area.

Keywords: *Preschool teachers, Training management, Circular 50/2020/TT-BGDĐT, professional English competency, Ho Chi Minh City.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, không còn đơn thuần là một công cụ giao tiếp, ngôn ngữ đã trở thành năng lực cốt lõi quyết định chất lượng nguồn nhân lực toàn cầu. Đồng thời, chiến lược giáo dục quốc gia của Việt Nam cũng từng bước dịch chuyển mạnh mẽ với mục tiêu đưa tiếng Anh từng bước trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tiến trình này đòi hỏi một sự chuẩn bị căn cơ ngay từ bậc học nền tảng: Giáo dục Mầm non.

Sự ra đời của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo chính là một bước ngoặt mang tính lịch sử. Văn bản pháp lý này đã chính thức xác định hành trình cho trẻ mầm non làm quen với ngoại ngữ từ trạng thái "tự phát, dịch vụ" sang quỹ đạo "chuẩn hóa, chính thống và có kiểm soát chuyên môn".

Tại trung tâm kinh tế - văn hóa lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, nhu cầu xã hội đối với tiếp cận tiếng Anh sớm cho trẻ là cấp thiết và khắt khe. Là một đô thị đặc biệt với tốc độ hội

nhập nhanh nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh đòi hỏi đội ngũ giáo viên mầm non phải có năng lực thực hiện chương trình "này" hiệu quả, tự nhiên và khoa học. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ quản lý giáo dục, một khoảng trống nghiên cứu và thực tiễn lớn đang tồn tại. Trong khi hành lang pháp lý và kỳ vọng của xã hội đã rất rõ ràng, công tác quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục hiện nay vẫn bộc lộ nhiều bất cập. Các chương trình bồi dưỡng phần lớn vẫn mang tính riêng lẻ, thiếu đồng bộ, tổ chức theo kiểu "cào bằng" và chưa thu hẹp được khoảng cách giữa năng lực thực tế của giáo viên với yêu cầu khắt khe của chương trình.

Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới việc làm rõ cơ sở lý luận về cấu trúc năng lực tiếng Anh nghề nghiệp đặc thù của giáo viên mầm non, đánh giá thực trạng phân hóa năng lực cùng công tác quản lý bồi dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp quản lý đa cấp độ nhằm tối ưu hóa chất lượng đội ngũ.

1. Cơ sở lý luận và hành lang pháp lý

Dưới lăng kính của lý thuyết giáo dục dựa trên năng lực và lý thuyết quản lý hiện đại, năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của giáo viên mầm non không tồn tại độc lập dưới dạng kiến thức hàn lâm, mà là một cấu trúc năng lực tích hợp mang tính thực hành cao. Cấu trúc này cấu thành từ ba thành tố cốt lõi: (i) Năng lực ngôn ngữ hệ thống (đạt chuẩn Khung 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương CEFR A2-B1); (ii) Tiếng Anh lớp học (Classroom English - các khẩu lệnh, chỉ dẫn sư phạm chuẩn xác về ngữ âm, ngữ điệu nhằm tạo môi trường thẩm thấu thính giác cho trẻ); (iii) Năng lực tích hợp và chuyển đổi sư phạm (Pedagogical Content Knowledge - PCK, khả năng "nhúng" ngôn ngữ vào các hoạt động vui chơi, ca nhạc, sinh hoạt theo triết lý "học qua chơi").

Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực này là một chu trình khép kín gồm bốn chức năng tương tác biện chứng: Lập kế hoạch (dựa trên phân tích ma trận khoảng trống năng lực - Competency Gap Analysis); Tổ chức thực hiện (phân phối nguồn lực và thiết kế hình thức bồi dưỡng linh hoạt); Chỉ đạo, hướng dẫn (kích hoạt hệ thống chuyên môn, giáo viên cốt cán hỗ trợ đồng đẳng); và Kiểm tra, đánh giá (đo lường kết quả đầu ra dựa trên hành vi lớp học thực tế).

Chu trình quản lý này vận hành dựa trên hành lang pháp lý cốt lõi gồm: Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT *(quy định chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo và điều kiện thực hiện)*; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT (*Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non)* và Quyết định số 2371/QĐ-TTg 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045" cũng như các chương trình, đề án của Ủy ban nhân dân Thành phố trong thời gian qua.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các mục tiêu khoa học, nghiên cứu tiếp cận theo phương pháp luận hệ thống - cấu trúc, kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.

(i) Về phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Bài viết tập trung phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu chuyên khảo nhằm xác lập khung chỉ báo đánh giá.

(ii) Về phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và thống kê: Nghiên cứu tiến hành khảo sát trên quy mô mẫu là 50 giáo viên mầm non và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các quận/huyện TP.Hồ Chí Minh (cũ) trước sáp nhập. Công cụ thu thập dữ liệu bao gồm bảng hỏi cấu trúc sử dụng thang đo Likert 5 mức độ và phiếu quan sát sư phạm trực tiếp tại lớp học. Dữ liệu thu về được xử lý bằng phần mềm thống kê chuyên dụng, sử dụng các đại lượng thống kê mô tả *(tần suất, tỷ lệ %, giá trị trung bình Mean, độ lệch chuẩn Std. Dev)* để phác họa thực trạng, kết hợp kiểm định phương sai nhằm kiểm chứng ý nghĩa sai biệt giữa các nhóm đối tượng phân hóa theo độ tuổi, trình độ và khu vực địa lý.

3. Thực trạng quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực sử dụng tiếng anh cho giáo viên mầm non

Từ ngày 01/7/2025, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh mới chính thức vận hành dưới hình thức "siêu đô thị" hợp nhất địa giới giữa ba địa

phương: Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sự tích hợp mang tính lịch sử này đẩy quy mô mạng lưới giáo dục toàn thành phố lên mức lớn nhất cả nước với tổng số hơn 110.000 giáo viên, trong đó đội ngũ giáo viên mầm non chiếm một cấu phần cốt lõi. Bối cảnh hành chính mới mang lại động lực phát triển kinh tế vượt trội, đồng thời đặt công tác quản lý giáo dục mầm non trước những thách thức phân hóa cực kỳ sâu sắc, đặc biệt là triển khai Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo (sau gọi là Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT) hay Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045",

Phân tích thực trạng năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Khi xét riêng trên phạm vi địa giới hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) (trước thời điểm sáp nhập năm 2025), năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên mầm non đã bộc lộ sự phân hóa sâu sắc giữa lõi đô thị và vùng ven.

Trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các phòng Giáo dục - Đào tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tại các phường trung tâm lâu đời (khu vực thuộc các Quận 1, Quận 3, Quận 5 trước ngày 01/7/2025) và các khu đô thị mới có tốc độ hội nhập cao (như Quận 7 cũ), tỷ lệ giáo viên tự đánh giá và được kiểm định đạt năng lực ngôn ngữ hệ thống từ bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương chuẩn B1 CEFR) đạt mức tương đối khả quan, chiếm khoảng 72,4% tổng số giáo viên khảo sát. Nhóm đối tượng này không chỉ làm chủ được kiến thức ngôn ngữ nền tảng mà còn thể hiện mức độ thích ứng sư phạm vượt trội thông qua chỉ số điểm trung bình về năng lực ứng dụng tiếng Anh lớp học (Classroom English) đạt 3,85/5,00. Trái lại, tại các xã ngoại thành nông thôn và vùng ven (bao gồm khu vực thuộc các huyện Củ Chi, Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Chánh trước ngày 01/7/2025), bức tranh năng lực lại dịch chuyển về phân vị rất thấp. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ hệ thống tại đây chỉ đạt vỏn vẹn 18,5%, đồng thời chỉ số thực hành Classroom English đạt mức tối thiểu với điểm trung bình 1,45/5,00. Giáo viên tại các vùng ven này hầu như chưa thể tự thiết kế hoặc điều phối các cấu trúc khẩu lệnh, chỉ dẫn bằng tiếng Anh một cách tự nhiên trong lớp học.

Nguyên nhân cốt lõi của chênh lệch năng lực này bắt nguồn từ môi trường thực hành tương tác xã hội giữa hai khu vực địa lý trong lòng một Thành phố. Tại nội thành (cũ), giáo viên được đặt trong một "hệ sinh thái ngôn ngữ" lý tưởng với sự hiện diện phổ biến của người bản xứ, hệ thống trường mầm non theo mô hình "Tiên tiến - Hội nhập", đặc biệt là nhu cầu giao tiếp ngoại ngữ từ phía phụ huynh rất lớn (Nguyễn Thị Mai An, 2023). Ngược lại, tại các huyện ngoại thành (cũ), môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh gần như khan hiếm và mang tính "đóng băng" (Trần Hùng và Vũ Hải, 2024). Tại đây, trẻ em và giáo viên không có cơ hội cọ xát thực tế khiến tiếng Anh chỉ dừng lại ở mức độ là những ký tự học thuật trên giấy tờ, chưa thể chuyển hóa thành năng lực thực hành lời nói.

Bên cạnh yếu tố địa lý, khoảng cách thế hệ và rào cản tâm lý cũng là nguyên nhân then chốt đẩy chỉ số lo âu ngoại ngữ lên mức báo động, đặc biệt là ở nhóm giáo viên lớn tuổi (trên 40 tuổi) với điểm trung bình cảm xúc tiêu cực đạt 4,18/5,00. Xét về mặt tâm lý học sư phạm, nhóm giáo viên lớn tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) sở hữu năng lực chăm sóc và chuyển đổi sư phạm (PCK) cực kỳ tinh tế nhờ thâm niên công tác nhưng lại gặp rào cản rất lớn về mặt ngữ âm dẫn đến tâm lý e ngại, sợ phát âm sai hoặc sợ bị đồng nghiệp và học trò phán xét. Trong khi đó, nhóm giáo viên trẻ (dưới 30 tuổi) tuy nhạy bén về công nghệ giáo dục (EdTech, điểm trung bình đạt 4,35/5,00) và có phát âm chuẩn xác nhưng lại bị quá tải bởi áp lực công việc thực tế tại các trường mầm non công lập (quản lý sĩ số trẻ đông, áp lực hồ sơ sổ sách). Do đó, giáo viên trẻ không còn đủ thời gian và động lực để nghiên cứu sâu các phương pháp "nhúng" ngôn ngữ một cách tự nhiên theo triết lý "học qua chơi", dẫn đến ứng dụng Thông tư 50 vẫn mang tính khiên cưỡng, máy móc.

Thực trạng công tác quản lý hoạt động bồi dưỡng

Nhìn từ góc độ quản lý vi mô, điều hành hoạt động bồi dưỡng năng lực tiếng Anh nghề

nghiệp cho giáo viên của Hiệu trưởng tại các trường mầm non thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) vấp phải những "khó khăn" hệ thống nghiêm trọng, phản ánh mâu thuẫn giữa tư duy quản lý hành chính và yêu cầu phát triển năng lực sư phạm thực tế theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT. Nguyên nhân sâu xa của thực trạng này nằm ở khâu khảo sát nhu cầu bị hình thức hóa và khúc xạ bởi rào cản tâm lý phòng vệ của đội ngũ. Thay vì sử dụng ma trận khoảng trống năng lực để tách các thành tố năng lực chuyên biệt, các nhà quản lý chủ yếu yêu cầu giáo viên thực hiện phiếu tự đánh giá theo các tiêu chuẩn khái quát. Bên cạnh đó, một số giáo viên thừa nhận họ có xu hướng đánh giá cao hơn năng lực thực tế của mình hoặc tìm cách "tránh" các lỗi chuyên môn. Hệ quả tâm lý này xuất phát khi Hiệu trưởng gắn kết quả rà soát năng lực ngoại ngữ trực tiếp với xếp loại thi đua viên chức và đánh giá Chuẩn nghề nghiệp cuối năm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Do đó, kế hoạch bồi dưỡng của nhà trường bị đặt trên một nền tảng dữ liệu "đẹp" nhưng ảo, dẫn đến việc phân phối nội dung bồi dưỡng không tương thích với nhu cầu thực của từng phân nhóm đối tượng.

Trong khâu tổ chức thực hiện và chỉ đạo chuyên môn, "cái khó" lớn nhất là sự thiếu vắng các mô hình huấn luyện sư phạm thực tế và cơ chế hỗ trợ ngay tại cơ sở. Các chương trình bồi dưỡng hiện nay phần lớn vẫn bị rập khuôn theo mô hình "nghe giảng thụ động", tập trung quá nhiều vào luyện thi chứng chỉ để nâng chuẩn hồ sơ hành chính, thay vì bồi dưỡng các module thực hành sư phạm hay phương pháp tích hợp nội dung. Các trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) hầu như chưa thiết lập được không gian "Nghiên cứu bài học" hay cơ chế hỗ trợ giữa nhóm giáo viên trẻ giỏi ngoại ngữ và nhóm giáo viên lớn tuổi giàu kinh nghiệm sư phạm (Trần Hùng và Vũ Hải, 2024). Sau khi kết thúc các khóa tập huấn ngắn hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo, do địa giới hành chính đã thay đổi rộng lớn khá nhiều nên việc bộ phận chuyên môn và các kênh hỗ trợ chuyên môn tại địa phương chưa kịp có sự đồng hành, uốn nắn kịp thời, khiến năng lực tiếp thu của giáo viên nhanh chóng bị mai một dưới áp lực của các công việc chăm sóc, nuôi dưỡng hằng ngày.

Cuối cùng, khâu kiểm tra, đánh giá hậu bồi dưỡng đang là mắt xích yếu nhất, trực tiếp triệt tiêu động lực nội sinh của người dạy. Hiện nay, phương thức kiểm định của cán bộ quản lý chủ yếu dựa trên các minh chứng hành chính "tĩnh" như bằng cấp nộp về phòng hồ sơ hoặc việc kiểm tra giáo án trên giấy (Phạm Minh Tâm, 2022). Nhà trường hoàn toàn thiếu vắng một bộ chỉ báo hành vi chuẩn hóa và mang tính "động" để đo lường mật độ tương tác ngôn ngữ trực tiếp của giáo viên với trẻ trong giờ học (Nguyễn Thị Mai An, 2023). Khi dự giờ, Hiệu trưởng thường rơi vào cái bẫy của "tư duy cảm tính", chỉ đánh giá dựa trên sự hào hứng bề nổi của trẻ hoặc tính chất "sân khấu hóa" của tiết học, thay vì phân tích sâu xem giáo viên có phát âm chuẩn xác ngữ điệu hay không, cấu trúc khẩu lệnh đưa ra có đúng thời điểm sư phạm hay không. Sự lệch pha trong công tác đánh giá này đã tạo ra một lực cản lớn: giáo viên có năng lực tốt không được tôn vinh xứng đáng, trong khi nhóm giáo viên yếu kém không cảm thấy áp lực phải thay đổi hành vi sư phạm, khiến việc triển khai Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT tại nhiều cơ sở vẫn mang tính đối phó và chưa chạm được vào bản chất phát triển tự nhiên của trẻ mầm non.

4. Giải pháp quản lý bồi dưỡng theo cấp độ

Từ những phân tích thực trạng về sự đứt gãy năng lực và các hạn chế mang tính hệ thống trong công tác quản lý vi mô lẫn vĩ mô tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), việc thiết lập một hệ thống giải pháp đồng bộ, mang tính chiến lược và có tính liên kết chặt chẽ trở thành một yêu cầu cấp bách. Để hiện thực hóa mục tiêu chuyển dịch năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ trong bối cảnh siêu đô thị mới, các giải pháp không thể vận hành đơn lẻ mà phải được cấu trúc đa tầng, đi từ việc tái định hình chính sách ở tầm vĩ mô đến việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn tại từng cơ sở giáo dục.

Giải pháp dành cho cơ quan quản lý nhà nước

Trước hết, để tháo gỡ triệt để tình trạng hành chính hóa và chạy theo các chỉ tiêu văn bằng hàn lâm, cơ quan quản lý nhà nước ở cấp vĩ mô cần phải chủ động thay đổi tư duy quản trị bằng việc xây dựng và chuẩn hóa Khung năng lực thực hành tiếng Anh Mầm non đặc thù (PCK). Khung năng lực này đóng vai trò là cơ sở định hướng kỹ thuật cốt lõi, chuyển dịch trọng tâm đánh giá

giáo viên từ năng lực ngôn ngữ thuần túy sang năng lực hành vi sư phạm trực tiếp trong không gian lớp học. Khung chỉ báo sẽ cụ thể hóa các tiêu chuẩn của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT thành các tiêu chí định lượng rõ ràng, phân định theo từng cấu phần cụ thể như: tần suất và tính chuẩn xác của cấu trúc lời nói lớp học và năng lực chuyển đổi sư phạm (PCK) thông qua các kỹ thuật "nhúng" ngoại ngữ vào hoạt động vui chơi (Nguyễn Thị Mai An, 2023). Khi có một bộ công cụ khách quan làm thước đo chuẩn chẩn đoán đầu năm, các nhà quản lý trường học sẽ xóa bỏ được hoàn toàn tính hình thức trong khâu rà soát nhu cầu, tạo tiền đề khoa học cho việc phân loại và thiết kế các lộ trình bồi dưỡng thực chất.

Song song với việc chuẩn hóa công cụ đánh giá, một đô thị đặc biệt có quy mô lớn cần phải xây dựng chiến lược điều tiết, dịch chuyển nguồn lực chuyên môn số hóa nhằm san phẳng khoảng cách địa lý và sự bất bình đẳng về môi trường tương tác giữa các phân vùng. Sở Giáo dục và Đào tạo khẩn trương vận hành hệ thống quản trị dựa trên cấu trúc nền tảng số liên thông (LMS), thiết kế các module học tập vi mô chuyên sâu có thời lượng ngắn từ 3 đến 5 phút (Phạm Minh Tâm, 2022). Định dạng này cho phép giáo viên tại các vùng khó khăn có thể chủ động tự bồi dưỡng, luyện giọng và sửa phát âm chuẩn xác thông qua các thuật toán AI nhận diện giọng nói ngay trên thiết bị di động cá nhân vào các khoảng thời gian linh hoạt. Đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước phải thiết lập cơ chế liên kết bắt buộc, điều động các tổ chuyên môn cốt cán từ lõi trung tâm Thành phố *(khu vực thuộc quận 1,3,5 trước ngày 01/7/2025)* thực hiện các buổi sinh hoạt trực tuyến liên vùng để chi viện, chia sẻ học liệu và hướng dẫn thực hành trực tiếp cho giáo viên vùng ven, nông thôn, xã đảo *(khu vực các huyện ngoại thành trước ngày 01/7/2025)*, biến mạng lưới công nghệ thành hệ thống hạ tầng kết nối chuyên môn số hóa đồng đều toàn thành phố.

Giải pháp dành cho các cơ sở giáo dục mầm non

Mọi định hướng chiến lược ở tầm vĩ mô của Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ dừng lại trên giấy tờ nếu không có sự tiếp quản và chuyển hóa một cách sáng tạo của người đứng đầu nhà trường thông qua giải pháp thực hiện chiến lược bồi dưỡng "may đo" cá nhân hóa. Hiệu trưởng các cơ sở mầm non cần gỡ bỏ tư duy lập kế hoạch theo kiểu "bình quân hóa", áp đặt chỉ tiêu số lượng ngồi lớp gây ức chế tâm lý cho đội ngũ. Dựa trên kết quả chẩn đoán thực chất từ bộ khung chỉ báo hành vi, Hiệu trưởng phải phân hóa giáo viên thành các nhóm đặc thù để áp dụng các module bồi dưỡng tương thích. Đối với nhóm giáo viên lớn tuổi vốn giàu kinh nghiệm sư phạm nhưng có chỉ số lo âu ngoại ngữ cao, nhà trường cần kiến tạo một lộ trình tiếp cận giảm áp lực, tập trung vào việc làm chủ các bài hát, trò chơi thơ ca đơn giản và kỹ năng điều phối phối hợp với giáo viên bản ngữ. Ngược lại, đối với nhóm giáo viên trẻ có lợi thế phát âm chuẩn và nhạy bén công nghệ, nội dung bồi dưỡng phải đi sâu vào phương pháp kiến tạo môi trường ngôn ngữ và nghệ thuật quản lý lớp học (Trần Hùng và Vũ Hải, 2024). Việc "may đo" này đảm bảo mỗi giáo viên đều tìm thấy một chương trình phát triển chuyên môn phù hợp với vùng phát triển gần nhất của bản thân.

Để hiện thực hóa kế hoạch "may đo" đó vào không gian sống của lớp học, hoạt động quản lý vi mô cần một động lực sư phạm thực tế mạnh mẽ từ bên trong bằng cách kích hoạt mô hình hỗ trợ và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Bản chất của giải pháp này là biến không gian trường mầm non thành một cộng đồng học tập thường xuyên, nơi Tổ chuyên môn đóng vai trò kiến tạo các cặp đôi hỗ trợ chiến lược: "Giáo viên trẻ giỏi ngoại ngữ - Giáo viên lớn tuổi giàu kinh nghiệm sư phạm". Mối quan hệ tương hỗ này giúp giáo viên trẻ có cơ hội rèn luyện bản lĩnh đứng lớp dưới sự cố vấn của người đi trước, đồng thời họ lại đóng vai trò là những người huấn luyện trực tiếp sửa từng lỗi phát âm, chuẩn hóa ngữ điệu câu lệnh lớp học cho đồng nghiệp lớn tuổi trong các sinh hoạt hằng ngày. Hơn thế nữa, các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn định kỳ phải rũ bỏ các báo cáo sự vụ khô khan để thay bằng các tiết "Nghiên cứu bài học" thực nghiệm, nơi các giáo viên cùng nhau thiết kế một hoạt động vui chơi tiếng Anh, cùng dự giờ, quan sát và phân tích chi tiết từng phản ứng, hành vi ngôn ngữ của đứa trẻ để rút kinh nghiệm trực tiếp, giúp lý thuyết bồi dưỡng lập tức bám rễ sâu vào thực tiễn lớp học.

Đề xuất cơ chế hỗ trợ và ứng dụng công nghệ

Mặc dù các giải pháp về phương pháp chuyên môn nêu trên có tính khả thi rất cao,

nhưng chỉ có thể vận hành bền vững khi và chỉ khi hiệu trưởng thiết lập được một điểm tựa vững chắc về mặt tâm lý và vật chất thông qua việc xây dựng bộ chỉ báo hành vi trong kiểm tra, đánh giá và đổi mới cơ chế động lực nội sinh. Tháo gỡ mắt xích yếu nhất trong chu trình quản lý hiện nay, Hiệu trưởng phải thay đổi phương pháp đánh giá, chuyển trọng tâm từ việc kiểm tra hồ sơ sổ sách "tĩnh" và đếm văn bằng sang việc quan sát trực tiếp mật độ và chất lượng tương tác ngôn ngữ động của giáo viên với trẻ (Phạm Minh Tâm, 2022). Kết quả đánh giá này phải được dùng như một thước đo để tôn vinh, khen thưởng và ưu tiên phân công các lớp học mô hình chất lượng cao. Nhà trường cần chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp để hỗ trợ kinh phí, lệ phí thi chứng chỉ và thưởng nóng cho những giáo viên có tinh thần tự học vượt khó. Khi người quản lý biết cách chuyển dịch từ tư duy kiểm tra "giám sát, bắt lỗi" sang tư duy "đồng hành, kiến tạo môi trường an toàn cảm xúc", rào cản phòng vệ của giáo viên sẽ hoàn toàn bị phá vỡ, khơi dậy niềm đam mê và động lực nội sinh mạnh mẽ để họ tự tin đưa tiếng Anh đến với con trẻ một cách tự nhiên, nhân văn và hiệu quả nhất.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã phác họa thực trạng cùng hệ thống giải pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực tiếng Anh nghề nghiệp cho giáo viên mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh dưới tác động của Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT. Thông qua lăng kính khoa học quản lý giáo dục hiện đại kết hợp với phương pháp phân tích thực nghiệm, nghiên cứu đã đạt được các đóng góp cốt lõi về cả mặt lý luận và thực tiễn đối với ngành học. Về mặt lý luận, nghiên cứu đã tái định hình và cấu trúc tường minh khái niệm năng lực tiếng Anh nghề nghiệp của giáo viên mầm non thành một hệ thống tích hợp ba thành tố chuyên biệt, khẳng định ngoại ngữ phải được nhúng tự nhiên vào thế giới vui chơi của trẻ theo triết lý học qua chơi. Về mặt thực trạng, nghiên cứu đã bóc tách những đứt gãy hệ thống tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), chỉ ra bản chất của sự phân hóa năng lực chịu sự chi phối mạnh mẽ từ sự bất bình đẳng về môi trường tương tác xã hội giữa lõi đô thị và vùng ven. Về mặt giải pháp, hệ thống giải pháp đa cấp độ từ vĩ mô đến vi mô được đề xuất đã chuyển dịch tư duy quản lý từ áp đặt sang kiến tạo môi trường an toàn cảm xúc, mang lại một bộ công cụ sư phạm thực tế giúp các nhà quản lý gỡ bỏ các rào cản phòng vệ của người dạy. Trong không gian siêu đô thị mới sau ngày sáp nhập hành chính, những phát hiện của nghiên cứu này chính là chiếc neo định hướng quan trọng để xây dựng nền tảng ngôn ngữ vững chắc cho thế hệ công dân toàn cầu tương lai của thành phố.

Để hệ thống giải pháp quản lý nêu trên sớm đi vào thực tiễn và phát huy tối đa hiệu quả trong bối cảnh siêu đô thị hợp nhất, tác giả đề xuất một số khuyến nghị mang tính chính sách đối với các cấp quản lý giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh cần ban hành văn bản quy phạm chỉ đạo về việc áp dụng Khung năng lực thực hành tiếng Anh Mầm non đặc thù làm công cụ chuẩn hóa đánh giá chuyên môn, đồng thời ưu tiên phê duyệt gói ngân sách đặc thù để số hóa học liệu trực tuyến trực quan và thực hiện chính sách đãi ngộ, hỗ trợ thu nhập cho những giáo viên trực tiếp thực hiện đề án ngoại ngữ. Đối với Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non, cần kiên quyết từ bỏ tư duy quản lý áp đặt chỉ tiêu mang tính hình thức, thực hiện nghiêm túc khâu chẩn đoán nhu cầu để may đo kế hoạch bồi dưỡng cá nhân hóa, đồng thời tái cấu trúc thời gian biểu để tạo không gian cho giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn hỗ trợ đồng đẳng và kiến tạo bầu không khí trường học an toàn cảm xúc, khuyến khích sự tự tin đổi mới sáng tạo của người dạy. Không chỉ tháo gỡ triệt để những "khúc xạ chính sách" ở cấp độ vi mô. Chính luận cứ khoa học cùng các minh chứng thực nghiệm sống động này đã thiết lập một hệ giá trị mới trong quản trị nhân lực sư phạm, biến lòng tin và sự an toàn cảm xúc thành động lực giúp đội ngũ giáo viên tự tin phát huy tiềm năng ngôn ngữ tự nhiên cho con trẻ, đặt những viên gạch nhân văn đầu tiên định hình tầm vóc thế hệ công dân toàn cầu của siêu đô thị tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

An, N. T. M. (2023). Phát triển năng lực ngôn ngữ lớp học cho giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, *19*(4), 45–51.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm*

2018 ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo*.

Hải, V., & Hùng, T. (2024). Bất cập trong phân hóa năng lực và công tác quản lý đào tạo đội ngũ giáo viên vùng ven đô. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, *16*(2), 89–96.

Quốc hội. (2025). *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh*.

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2026). *Báo cáo tổng kết kỹ thuật về công tác rà soát năng lực ngoại ngữ của đội ngũ giáo viên trên địa bàn siêu đô thị hợp nhất năm học 2025–2026* [Tài liệu lưu trữ hành chính, Phòng Giáo dục Mầm non].

Tâm, P. M. (2022). Khung lý luận về quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ theo hướng tiếp cận năng lực thực hành. *Tạp chí Giáo dục*, *22*(11), 12–18.

Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017–2025*.

Thủ tướng Chính phủ. (2025). *Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045"*.